

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Tố Trinh

2. Bà Phan Thị Mỹ Lệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang— Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn A, xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn A, xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Vào năm 2007, anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L qua thời gian tìm hiểu, xuất phát từ tình cảm yêu thương nhau đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 24/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh T và chị L phát sinh nhiều mâu

thuần, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai người trái ngược nhau, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình cũng như giáo dục con cái. Mâu thuẫn đã kéo dài, anh T và chị L cũng đã cố gắng hòa hợp, gia đình hai bên cũng có khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng. Hiện tại anh T và chị L đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm nhau nữa. Vì vậy anh Vũ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L trước pháp luật.

Về con: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Vũ Văn H, sinh ngày 26/11/2008; Vũ Thị N, sinh ngày 15/7/2010 và Vũ Văn H1, sinh ngày 19/11/2017, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục các con chung chưa thành niên. Anh T không yêu cầu chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện chung về nghĩa vụ tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị L từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng không có mặt. Do đó chị Nguyễn Thị L không có bản tự khai, trình bày hay ý kiến gì trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 9, 51, 56, 81, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L được ly hôn trước pháp luật.

- *Về con*: Giao các con Vũ Văn H, sinh ngày 26/11/2008; Vũ Thị N, sinh ngày 15/7/2010 và Vũ Văn H1, sinh ngày 19/11/2017 cho anh Vũ Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng*: Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nguyên đơn anh Vũ Văn T khởi kiện bị đơn chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại xã Uar, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn Nguyễn Thị L không đến Tòa án để viết bản tự khai, không tham gia các phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa và các hoạt động tố tụng khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc chị Nguyễn Thị L không đến Tòa án không những là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện K, tỉnh Gia Lai ngày 24/7/2007. Việc kết hôn của anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt. Hiện tại anh T và chị L đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Văn T vẫn yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Ngày 04/01/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn An Bình, xã Uar, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, đồng thời tiến hành lấy lời khai của bà Trịnh Thị Thành là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị L thì được biết cuộc sống chung của anh T và chị L xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp; hai gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành, anh T và chị L đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị L đã mâu thuẫn mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí

hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của anh T là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T, xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con*: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Vũ Văn H, sinh ngày 26/11/2008; Vũ Thị N, sinh năm 15/7/2010 và Vũ Văn H1, sinh ngày 19/11/2017. Khi ly hôn anh Vũ Văn T có yêu cầu được nuôi cả 03 con chưa thành niên. Xét thấy nguyện vọng của anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chưa thành niên và cũng là mong muốn của các cháu Hiếu và cháu Ngọc thông qua biên bản hỏi ý kiến ngày 04/01/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích anh Vũ Văn T về quyền của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh Vũ Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- *Về con*: Giao con chung Vũ Văn H, sinh ngày 26/11/2008; Vũ Thị N, sinh năm 15/7/2010 và Vũ Văn H1, sinh ngày 19/11/2017 cho anh Vũ Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006349 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Anh Vũ Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2021), còn bị đơn chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- UBND xã Uar (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Tố Trinh – Phan Thị Mỹ Lệ

Lê Thị Dung

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- UBND xã Uar (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung